

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **95/2018/HNGĐ – ST**
Ngày: 29/11/2018
V/v tranh chấp: “Ly hôn, tranh
chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Mai.

Ông Đặng Hoàng Mích.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 L 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 16/2018/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 01 L 2018 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 19 tháng 10 L 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh L 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Bà Lương Thị Th, sinh L 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan Văn N, sinh năm: 1931.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn N:

Bà Hồ Thị L, sinh năm: 1939.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Th chung sống với nhau vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trong thời kỳ hôn nhân ông T và bà Th chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 9 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã. Ông T và bà Th sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 9 năm 2016 cho đến nay.

Ông T thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà Th.

Về con chung: Ông T khai, ông T và bà Th không có con chung.

Về tài sản chung: Ông T khai, ông T và bà Th không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông T khai, vợ chồng có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C, tỉnh Tây Ninh với số tiền 100.000.000 đồng hiện nay chưa đến hạn trả nợ, ông T yêu cầu bà Th chia đôi nợ chung.

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Lương Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Th thừa nhận lời trình bày của ông T về điều kiện kết hôn và thời gian chung sống của vợ chồng. Nay trước yêu cầu xin ly hôn của ông Tuấn, bà Th không đồng ý ly hôn, bà Th cho rằng hiện nay vợ chồng vẫn còn tình cảm, có thể hàn gắn được.

- Về con chung: Bà Th khai, bà Th và ông T không có con chung.

- Về tài sản chung: Bà Th không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Th khai, bà Th và ông T có nợ ông Phan Văn N số tiền 15.000.000 đồng, đã trả được 3.000.000 đồng, hiện nay còn nợ lại 12.000.000 đồng. bà Th yêu cầu chia đôi nợ chung.

Tại đơn khởi kiện ngày 18/7/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn N là bà Hồ Thị L trình bày:

Vào ngày 26/8/2016, ông Phan Văn N có cho bà Lương Thị Th vay số tiền 15.000.000 đồng, khi vay có làm hợp đồng, vay không lãi suất, thời hạn thanh toán là 02 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Th trả cho ông N 3.000.000 đồng tiền gốc, hiện

nay còn nợ lại ông N 12.000.000 đồng. Nay ông N khởi kiện yêu cầu bà Th phải trả có nghĩa vụ trả cho ông N 12.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Ông T không có vay tiền nên không yêu cầu ông T cùng bà Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông N.

Trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt nam chi nhánh huyện C, tỉnh Tây Ninh trình bày:

Ông T và bà Th có vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt nam chi nhánh huyện C, tỉnh Tây Ninh số tiền 100.000.000 đồng và hiện nay chưa đến hạn trả nợ, do đó Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C, tỉnh Tây Ninh không có yêu cầu đòi nợ.

Tại phiên tòa:

Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập. Đối với bà Th, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ 02 đến phiên tòa xét xử, nhưng bà Th vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình ; Điều 463, 466 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T được ly hôn với bà Th.

Về con chung: Không có nên không xét đến.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xét đến.

Về nợ chung: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C, tỉnh Tây Ninh không tranh chấp nên không xét đến.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông N, buộc bà Th có nghĩa vụ trả cho ông N 12.000.000 đồng. Về lãi, ông N không yêu cầu nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ông Phan Văn T khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với bà Lương Thị Th. Ông Phan Văn N khởi kiện yêu cầu bà Lương Thị Th trả tiền vay. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “Ly hôn và tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo xác nhận ngày 08/01/2018 của Công an xã B, huyện H. Bà Lương Thị Th có đăng ký thường trú tại: ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Bến Tre và hiện đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là bà Lương Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đến phiên tòa xét xử nhưng bà Lương Thị Th vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Lương Thị Th.

4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Th chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 73/2016 ngày 18/8/2016 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp. Do đó quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Th là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong thời kỳ hôn nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, sự việc được gia đình hai bên hòa giải khuyên ngăn nhưng ông T và bà Th vẫn sống ly thân từ tháng 9 năm 2016 cho đến nay vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho ông T và bà Th hàn gắn tình cảm nhưng những lần hòa giải bà Th đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ bà Th đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân này và mâu thuẫn hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà Th.

Về con chung: Ông T và bà Th khai không có con chung nên ghi nhận.

Về tài sản chung: Ông T và bà Th không tranh chấp nên ghi nhận.

Về nợ chung: : Ông T khai, vợ chồng có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C, tỉnh Tây Ninh với số tiền 100.000.000 đồng hiện nay chưa đến hạn trả nợ. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C, tỉnh Tây Ninh không có tranh chấp nên ghi nhận. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện vụ án khác.

[5] Xét yêu cầu độc lập của ông N:

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông N cho rằng ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án buộc Th có nghĩa vụ trả cho ông N 12.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, ông N đã cung cấp cho Tòa án giấy mượn tiền ngày 26/8/2016.

Xét yêu cầu độc lập của ông N:

Tài liệu, chứng cứ do ông N giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp là giấy mượn tiền ngày 26/8/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Th thừa nhận còn nợ ông N 12.000.000 đồng và có ký tên vào giấy mượn tiền ngày 26/8/2016 nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự L 2015. Bà Th vay tiền của ông N nhưng không trả cho ông N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu bà Th có nghĩa vụ trả cho ông N 12.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét lời trình bày của bà Th về việc yêu cầu ông T cùng bà Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông N 12.000.000 đồng: Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ông T cho rằng ông T không có vay tiền của ông N và cũng không sử dụng số tiền này vào nhu cầu thiết yếu của gia đình. Ông N cho rằng chỉ cho cá nhân bà Th vay tiền nên không có yêu cầu ông T cùng bà Th có nghĩa vụ liên đới trả tiền. Do đó lời trình bày của bà Th cho rằng đây là số nợ chung của vợ chồng, yêu cầu ông T cùng bà Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông N 12.000.000 đồng là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Thum. Buộc bà Th có nghĩa vụ trả cho ông N 12.000.000 đồng.

[5] Đối với lời phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc ông T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Th phải chịu 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 357, 429, 463, 466 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Văn T đối với bà Lương Thị Th. Ông Phan Văn T được ly hôn với bà Lương Thị Th.

[2] Về con chung: Ông Phan Văn T và bà Lương Thị Th không có con chung nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Phan Văn T và bà Lương Thị Th không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Ông Phan Văn T khai, vợ chồng có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C, tỉnh Tây Ninh với số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) hiện nay chưa đến hạn trả nợ. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt nam chi nhánh huyện C, tỉnh Tây Ninh không có tranh chấp nên ghi nhận. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp thì khởi kiện vụ án khác.

[5] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Phan Văn N. Buộc bà Lương Thị Th có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn N 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*).

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực; Kể từ ngày ông Phan Văn N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lương Thị Th không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Lương Thị Th còn phải trả cho ông Phan Văn N khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự L 2015.

[5] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc ông Phan Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phan Văn T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0006340 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Ông Phan Văn T đã nộp đủ án phí.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Lương Thị Th phải chịu 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*).

[5] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lương Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Tân Thành, huyện Tân Châu tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THAD huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Quang Hải